GIẤY TỜ XE 38N - 5587

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

Nhãn hiệu *(Brand)*: TOYOTA
Số loại *(Model code)*: CAMRY LE
Loại xe *(Type)*: Ôtô con
Màu sơn *(Color)*: Đen
Số máy *(Engine N°)*: 2ARD306498
Số khung *(Chassis N°)*: 4T1BF3EK0BU173205
Công suất *(Horsepower)*:
Dung tích *(Capacity)*:
Năm sản xuất *(Year of manufacture)*: 2010
Tự trọng *(Empty weight)*: 1500 kg;
Tải trọng *(Loading capacity)*: Hàng hoá *(Goods)*:
Số chỗ *(Seat capacity)*: Ngồi *(Sit)*: 05 Đứng *(Stand)*: Nằm *(Lie)*:
Trọng lượng kéo theo *(Towed weight)*: kg; Kích thước bao *(Overall dimension)*:
Dài *(Length)*: 4805 m; Rộng *(Width)*: 1820 m; Cao *(Height)*: 1470 m
Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm
Valid until date

Hà Tĩnh, ngày *(date)* 12 tháng 11 năm 2010
TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá: Nguyễn Thanh Bảo

Đăng ký lần đầu ngày:
Date of first registration
12/11/2010

No: DA 6074696

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam

Mẫu số 10
BH kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11
Ngày 11/3/2009 của Bộ Công an

CÔNG AN TỈNH HÀ TĨNH
Ha Tinh Province's Public security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The Traffic Police Division

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
CAR REGISTRATION CERTIFICATE

Số *(Number)*: 002182

Tên chủ xe *(Owner's full name)*:
CÔNG TY XĂNG DẦU HÀ TĨNH

Địa chỉ *(Address)*:
Số 29 Đ.Trần Phú TP Hà Tĩnh

Số CMND/Hộ chiếu *(Identity Card N⁰/Passport)*:

Biển số đăng ký *(N⁰ Plate)*: 38N-5587

No: DA 6074696

1. PHƯƠNG TIỆN *(VEHICLE)*

Biển đăng ký: **38N-5587** *(Registration Number)*
Số quản lý: 3801D-012223 *(Vehicle Inspection No.)*

Loại phương tiện: *(Type)* ô tô con
Nhãn hiệu: *(Mark)* TOYOTA
Số loại: *(Model code)* CAM RY LE
Số máy: *(Engine Number)* 2ARD306498
Số khung: *(Chassis Number)* 4T1BF3EK0BU173205
Năm, Nước sản xuất: 2010, Mỹ *(Manufactured Year and Country)*
Niên hạn SD: *(Lifetime limit to)*
Kinh doanh vận tải *(Commercial Use)* -
Cải tạo *(Modification)* -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT *(SPECIFICATIONS)*

Công thức bánh xe: 4x2 *(Wheel Formula)*
Vết bánh xe: 1575/1565 (mm) *(Wheel Tread)*
Kích thước bao: *(Overall Dimension)* 4805 x 1820 x 1470 (mm)
Kích thước lòng thùng xe *(Inside cargo container dimension)* (mm)
Chiều dài cơ sở: *(Wheelbase)* 2775 (mm)
Khối lượng bản thân: *(Kerb mass)* 1,500 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg) *(Design/Authorized pay load)*
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1970/1970 (kg) *(Design/Authorized total mass)*
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg) *(Design/Authorized towed mass)*
Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm *(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)*
Loại nhiên liệu: *(Type of Fuel Used)* Xăng
Thể tích làm việc của động cơ: *(Engine Displacement)* 2494 (cm3)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: *(Max. output/rpm)* 126(kW)/6000vph
Số sê-ri: *(No.)* **DA-6074696**

A0A9D702

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục *(Number of tires; Tire size/axle)*
1: 2; P215/60R16
2: 2; P215/60R16

Số phiếu kiểm định *(Inspection Report No)*
3801D-19145/23
Có hiệu lực đến hết ngày *(Valid until)* **26/07/2024**

Hà Tĩnh ngày 27 tháng 7 năm 2023
(Issued on: Day/Month/Year)

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
(INSPECTION CENTER)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM HÀ TĨNH

Nguyễn Tuấn Anh

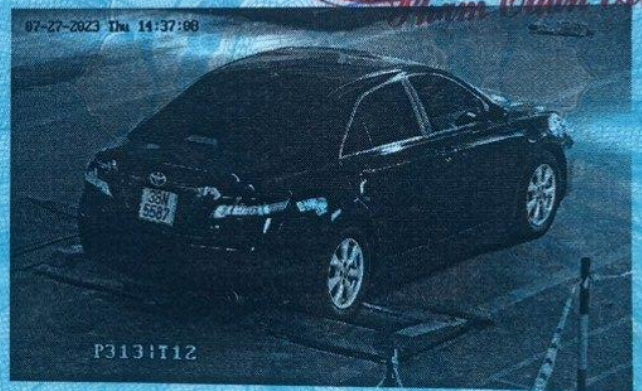

Có lắp thiết bị giám sát hành trình *(Equipped with Tachograph)* -
Có lắp camera *(Equipped with camera)* -
Không cấp tem kiểm định *(Inspection stamp was not issued)* -
Ghi chú:
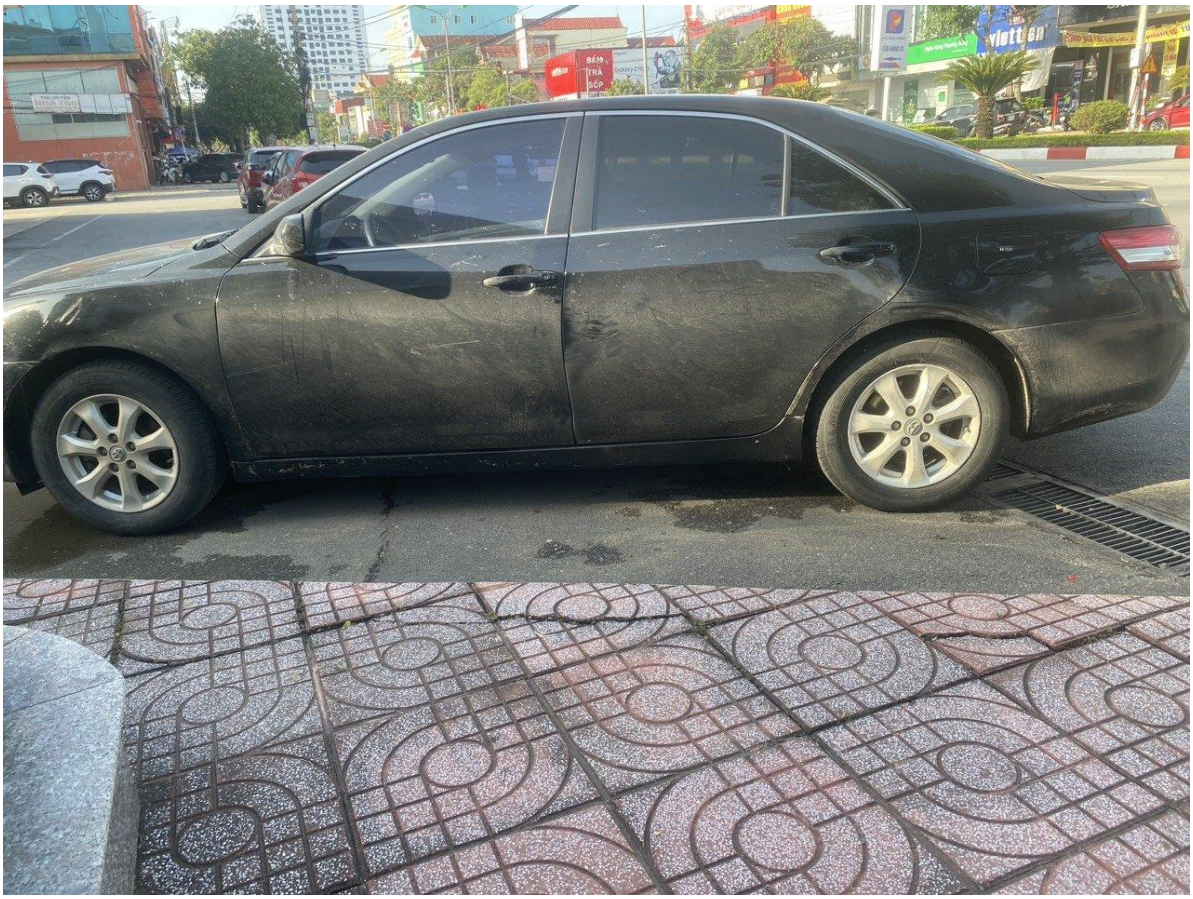
HÌNH ẢNH XE Ô TÔ TOYOTA CAMRY LE, BKS: 38N – 5587